

NGOẠI NGỮ VỚI BẢN NGỮ

**GIẢNG DẠY LÝ THUYẾT TIẾNG ANH TRONG BỐI CẢNH
CHUYỂN ĐỔI SỐ: XU HƯỚNG VÀ ĐỀ XUẤT SỰ PHẠM****NGÔ PHƯƠNG ANH***

TÓM TẮT: Sự phát triển của công nghệ giáo dục đang tạo điều kiện đổi mới giảng dạy các môn lý thuyết tiếng Anh ở bậc đại học, những học phần mang tính trừu tượng như Ngữ âm - Âm vị học, Từ vựng học, Cú pháp, Ngữ nghĩa học và Ngữ dụng học. Bài báo tổng hợp 44 nghiên cứu quốc tế giai đoạn 2000-2025 nhằm nhận diện các mô hình sự phạm số trong dạy - học lý thuyết tiếng và rút ra đề xuất sự phạm cho bối cảnh Việt Nam. Dựa trên phương pháp tổng hợp nội dung định tính, các nghiên cứu được phân loại theo chủ đề, thời gian và loại tài liệu. Sáu xu hướng nổi bật gồm: flipped/blended learning (12 nghiên cứu), CALL/ASR cho ngữ âm - âm vị (9 nghiên cứu), corpus-based pedagogy (10 nghiên cứu), digital linguistics (8 nghiên cứu), digital storytelling/đa phương thức (4 nghiên cứu), và giảng dạy tiếng Anh ở bậc đại học trong bối cảnh số hóa (6 nghiên cứu). Số lượng nghiên cứu tăng rõ rệt sau 2016, đặc biệt 16 công trình giai đoạn 2023-2025. Bài báo khoa học chiếm đa số (36/44). Kết quả cho thấy các mô hình số không chỉ hỗ trợ mà còn tái cấu trúc cách dạy lý thuyết tiếng Anh, chuyển từ truyền thụ sang phân tích khối liệu và khám phá đa phương thức. Bài báo đề xuất các hướng phù hợp cho Việt Nam như tích hợp corpus, dùng ASR/Praat, triển khai mô hình flipped learning và nâng cao năng lực TPACK cho giảng viên.

TỪ KHÓA: Giảng dạy lý thuyết tiếng Anh; chuyển đổi số; Flipped/Blended learning; dạy học dựa trên khối liệu; CALL và ASR.

NHẬN BÀI: 29/11/2025.

BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 07/03/2026

1. Đặt vấn đề

Sự phát triển nhanh của công nghệ giáo dục đang tạo ra những thay đổi sâu sắc trong dạy học tiếng Anh ở bậc đại học. Bên cạnh các nghiên cứu quen thuộc về bốn kỹ năng, các học phần lý thuyết tiếng Anh như Ngữ âm - Âm vị học, Từ vựng học, Cú pháp, Ngữ nghĩa và Ngữ dụng học ngày càng được chú ý nhờ tiềm năng của môi trường số trong việc đổi mới cách tổ chức và tiếp nhận tri thức. Đây vốn là những môn học trừu tượng và nặng tính học thuật, thường được dạy theo phương pháp thuyết giảng, khiến việc gắn kết giữa lý thuyết và dữ liệu ngôn ngữ thực còn hạn chế.

Tại Việt Nam, giảng dạy các môn lý thuyết tiếng vẫn chưa phát triển tương xứng. Nghiên cứu trong nước còn ít và chủ yếu tập trung vào kỹ năng, trong khi các học phần như phonetics-phonology, syntax hay pragmatics hiếm khi được khảo sát một cách hệ thống. Thực tiễn triển khai cũng gặp khó khăn về năng lực sự phạm, thiết kế đánh giá, học liệu phù hợp với người học tiếng Anh và sự chênh lệch trình độ sinh viên; đồng thời tồn tại khoảng cách giữa yêu cầu chính sách (EMI, quốc tế hoá) và khả năng thực thi ở lớp học.

Dù vậy, nhiều tín hiệu tích cực đã xuất hiện: một số nghiên cứu bắt đầu áp dụng lý thuyết ngôn ngữ học vào dạy học; các hội thảo ngôn ngữ học thu hút quan tâm lớn; nhu cầu học thuật và nghề nghiệp ngày càng đòi hỏi nền tảng lý thuyết tiếng vững chắc; và hạ tầng LMS, tài nguyên số tại các trường đại học mở ra cơ hội triển khai blended, flipped, corpus-based hay multimodal cho các môn lý thuyết tiếng.

Bài báo này tổng hợp 44 nghiên cứu quốc tế (2000-2025) nhằm trả lời ba câu hỏi: (1) Các mô hình sự phạm số nào đang được áp dụng cho các môn lý thuyết tiếng Anh? (2) Xu hướng phát triển qua các giai đoạn ra sao? (3) Đề xuất sự phạm nào phù hợp cho bối cảnh Việt Nam? Kết quả góp phần phác họa bức tranh toàn diện về chuyển đổi số trong giảng dạy lý thuyết tiếng và đề xuất các hướng ứng dụng khả thi cho giáo dục đại học Việt Nam.

*TS; Trường Đại học Hà Nội; Email: anhnped@hanu.edu.vn/anhbkhn@gmail.com

2. Cơ sở lý luận

2.1. Một số khái niệm cơ bản

a. Chuyển đổi số trong dạy học tiếng Anh bậc đại học

Trong hơn một thập kỷ qua, dạy học tiếng Anh ở bậc đại học chuyển mạnh sang môi trường số với blended, online và flipped learning. Chuyển đổi số không chỉ thay đổi kênh truyền tải mà còn tái cấu trúc thiết kế hoạt động, đánh giá và tương tác (Chapelle, 2003; Margaryan, 2020). Tại châu Á, blended learning được ứng dụng rộng rãi trong các học phần tiếng Anh nền tảng và chuyên ngành; nghiên cứu của Liu & Chen (2023), Sun et al. (2024) cho thấy LMS, video bài giảng và diễn đàn trực tuyến giúp tăng tương tác và sự chủ động của người học. Ở Việt Nam, nghiên cứu về blended mới tập trung vào kỹ năng, trong khi các môn lý thuyết tiếng (ngữ âm-âm vị, ngữ pháp, ngữ dụng...) vẫn ít được khai thác, tạo nên khoảng trống nghiên cứu đáng kể.

b. Lớp học đảo ngược và blended learning cho các môn lý thuyết tiếng Anh

Nhiều công trình đã áp dụng flipped/blended cho phonetics-phonology, grammar và linguistics. Trong ngữ âm - âm vị học, các nghiên cứu như Yang (2016), Wahib & Tamer (2021), Mompean (2022) cho thấy micro-lecture và bài tập trực tuyến giúp tiết kiệm thời gian trên lớp để phân tích phổ âm, luyện phân biệt âm và sửa lỗi. Trong dạy ngữ pháp, các nghiên cứu cho thấy khi sinh viên tự học phần lý thuyết qua video và quiz, giờ học được dành cho phân tích lỗi, xử lý khối liệu và thảo luận chức năng ngữ pháp. Các tổng quan hệ thống (Akçayir & Akçayir, 2018; Turan & Akdag-Cimen, 2020) khẳng định mô hình đảo ngược flipped phù hợp đặc biệt với các môn lý thuyết vì nội dung dễ số hóa dưới dạng video, infographic và bài giảng số.

c. CALL và dạy các môn lý thuyết tiếng Anh: corpus, phát âm, ngữ dụng học

Trong CALL, nhiều công trình tích hợp corpus vào dạy ngữ pháp, từ vựng và ngữ dụng (Mindt, 2000; Kirk, 2002; Zahra, 2018; Chen, 2022). Corpus giúp sinh viên tiếp cận ngôn ngữ tự nhiên, khám phá quy luật tần suất, collocation và đặc trưng diễn ngôn. Trong phát âm và âm vị học, các nghiên cứu của Wang & Young (2015) và Bakla (2018) chứng minh hiệu quả của ASR, phần mềm phân tích âm thanh (Praat) và phản hồi tự động trong việc nhận diện và sửa lỗi phát âm. CALL vì vậy không chỉ phục vụ kỹ năng giao tiếp mà còn hỗ trợ mạnh các nội dung lý thuyết nếu nhiệm vụ được thiết kế theo hướng khai thác khối liệu.

d. TPACK và năng lực số của giảng viên

Nhiều nghiên cứu chỉ ra khoảng cách giữa kiến thức chuyên môn (CK) và kiến thức công nghệ - sư phạm (TPACK) của giảng viên dạy lý thuyết tiếng. Công nghệ vẫn chủ yếu được dùng để trình chiếu thay vì phục vụ phân tích ngữ liệu hoặc nhiệm vụ số. Khi được hỗ trợ về thiết kế học phần và công cụ chuyên môn (khối liệu (corpus), phần mềm âm học...), sinh viên đạt kết quả tốt hơn và phát triển năng lực nghiên cứu (Gregory et al., 2021; Ikonnikova & Komochkova, 2019; Köylü, 2021).

e. Digital storytelling và nhiệm vụ đa phương thức

Một số nghiên cứu khai thác digital storytelling và multimodal tasks trong các môn discourse, pragmatics và stylistics. Các dự án video, podcast hoặc e-book (Ridwan, 2022; Mardiana, 2025; Wahyuningtyas, 2025) giúp sinh viên hiểu cách ngôn ngữ tạo nghĩa qua nhiều kênh, từ đó tăng khả năng phân tích và giải thích hiện tượng ngôn ngữ. Các học phần lý thuyết tiếng do đó hoàn toàn có thể “kích hoạt” bằng các dự án số kết hợp khối liệu corpus, âm thanh hoặc hình ảnh.

2.2. Khung lý thuyết CALL - TPACK - Blended - Flipped - Corpus - Multimodal

Để phân tích toàn diện các mô hình sư phạm số đang định hình việc dạy và học các môn lý thuyết tiếng Anh, nghiên cứu này tổng hợp sáu khung lý thuyết quan trọng nhất trong lĩnh vực giảng dạy ngoại ngữ hiện đại. Mỗi khung tiếp cận cung cấp một lăng kính khác nhau về vai trò của công nghệ, cấu trúc sư phạm và cách người học tương tác với kiến thức trừu tượng. Phần dưới đây trình bày đặc điểm, đóng góp và gợi ý ứng dụng của từng mô hình đối với các học phần lý thuyết tiếng trong bối cảnh chuyển đổi số.

Bảng 1. Khung lý thuyết về dạy các môn lý thuyết tiếng Anh trong thời đại số

Khung / Mô hình	Trọng tâm	Vai trò với các môn lý thuyết tiếng Anh	Nghiên cứu tiêu biểu (ví dụ)	Gợi ý vận dụng trong bối cảnh bài báo
CALL (Computer-Assisted Language Learning)	Ứng dụng máy tính & CNTT trong dạy - học ngoại ngữ	Cung cấp công cụ phân tích ngữ liệu, phản hồi phát âm, luyện tập có kiểm soát; đặc biệt phù hợp với ngữ âm – âm vị, ngữ pháp, ngữ dụng, discourse.	Chapelle (2003); Wang & Young (2015); Bakla (2018)	Mô tả cách khoa/ ngành dùng phần mềm phân tích âm thanh, hệ thống LMS, quiz online, phần mềm nhận dạng giọng nói... trong các học phần lý thuyết tiếng.
TPACK	Kiến thức tích hợp giữa công nghệ, sư phạm và nội dung	Nhấn mạnh năng lực của giảng viên trong việc “gói” nội dung lý thuyết (ví dụ khái niệm âm vị, quy tắc biến thể, cấu trúc câu) vào hoạt động học có công nghệ hỗ trợ, thay vì chỉ trình chiếu.	Gregory et al. (2021); Ikonnikova & Komochkova (2019)	Phân tích mức độ giảng viên hiện nay mới dừng ở TK (biết công nghệ) hay đã đạt tới TPACK (thiết kế được hoạt động học hiệu quả cho môn lý thuyết). Đề xuất bồi dưỡng TPACK cho đội ngũ.
Blended Learning	Kết hợp học trực tiếp và trực tuyến	Cho phép chuyển một phần nội dung lý thuyết (bài đọc, video, bài tập tự luyện) lên môi trường số, dành thời gian trên lớp cho hoạt động tương tác, phân tích, giải bài tập khó.	Liu & Chen (2023); Sun et al. (2024)	Miêu tả mô hình tổ chức các học phần như Ngôn ngữ học đại cương, Ngữ âm - âm vị, Ngữ dụng học... trong dạng blended (tỉ lệ online/offline, loại hoạt động).
Flipped Classroom	Đảo ngược thứ tự: học lý thuyết trước ở nhà, lên lớp thực hành – áp dụng	Đặc biệt phù hợp với các môn lý thuyết: khái niệm, quy tắc, ví dụ cơ bản được cung cấp qua video/bài đọc; giờ học tập trung vào phân tích ngữ liệu, giải thích lỗi, làm project nhỏ.	Yang (2016); Wahib & Tamer (2021); Mompean (2022)	Nêu rõ học phần nào đã/ đang được tổ chức theo dạng đảo ngược (ví dụ Phonetics & Phonology, Grammar, Discourse Analysis), sinh viên chuẩn bị gì trước giờ học, trên lớp làm gì.
Corpus-based Pedagogy	Dạy học dựa trên khai thác kho ngữ liệu điện tử	Giúp sinh viên tiếp xúc dữ liệu ngôn ngữ thực, rèn kỹ năng phân tích mẫu, tần suất, cấu trúc; rất hữu ích cho các môn ngữ pháp, từ vựng, ngữ dụng, phân tích diễn ngôn.	Mindt (2000); Kirk (2002); Zahra (2018); Chen (2022)	Gợi ý (hoặc mô tả nếu đã làm) việc dùng COCA, BNC, hoặc corpus tự xây dựng trong các bài tập phân tích câu, cấu trúc, collocation, hoặc chiến lược lịch sự/hedging...
Multimodal / Digital	Tích hợp nhiều kênh	Mở rộng cách tiếp cận các môn như	Ridwan (2022)	Đề xuất các dự án như: sinh viên thiết kế video

Storytelling	tạo nghĩa (ngôn ngữ, hình ảnh, âm thanh, cử chỉ) trong nhiệm vụ học tập	discourse analysis, pragmatics, stylistics: sinh viên vừa phân tích, vừa “tái tạo” hiện tượng lí thuyết qua sản phẩm số (video, e-book, podcast).		giải thích một hiện tượng ngữ âm; sản xuất podcast về một hiện tượng ngữ pháp; làm e-book minh họa hành động ngôn từ, phép lịch sự, ẩn dụ khái niệm...
---------------------	---	---	--	--

Thứ nhất, mô hình học tập có hỗ trợ của máy tính CALL (Computer-Assisted Language Learning) nhấn mạnh vai trò của công nghệ trong phân tích và mô phỏng ngôn ngữ, đặc biệt hữu ích cho ngữ âm - âm vị học, cú pháp, ngữ dụng và phân tích diễn ngôn. Các nghiên cứu như Chapelle (2003), Wang & Young (2015), Bakla (2018) cho thấy CALL hỗ trợ tiếp cận dữ liệu âm thanh, kho ngữ liệu và phản hồi phát âm tự động, từ đó nâng cao mức độ xử lí sâu của người học.

Thứ hai, mô hình công nghệ-sư phạm và nội dung TPACK (Technological Pedagogical and Content Knowledge) mở rộng CALL bằng cách nhấn mạnh năng lực tích hợp giữa nội dung, sư phạm và công nghệ. Các nghiên cứu của Gregory et al. (2021) và Ikonnikova & Komochkova (2019) chỉ ra rằng thách thức lớn nhất không nằm ở việc “biết công nghệ” mà ở khả năng thiết kế hoạt động học số hóa phục vụ các khái niệm lí thuyết vốn trừu tượng.

Thứ ba, học tập kết hợp Blended Learning tạo cấu trúc linh hoạt bằng cách chuyển phần lí thuyết nền tảng sang môi trường trực tuyến, trong khi thời gian trên lớp tập trung vào phân tích và tương tác. Các tác giả như Liu & Chen (2023), Sun et al. (2024) chứng minh mô hình này đặc biệt phù hợp với Ngữ dụng học, Ngữ âm - Âm vị học và Ngôn ngữ học đại cương.

Thứ tư, mô hình lớp học đảo ngược Flipped Classroom đảo ngược trình tự học tập: sinh viên học lí thuyết trước ở nhà qua video hoặc tài liệu số, và dùng thời gian trên lớp cho hoạt động phân tích khối liệu và giải quyết vấn đề. Các nghiên cứu của Yang (2016), Wahib & Tamer (2021), Mompean (2022) cho thấy flipped learning tăng cường xử lí sâu và tính tự chủ của sinh viên.

Thứ năm, mô hình sư phạm dựa trên khối liệu Corpus-based Pedagogy khuyến khích khai thác COCA, BNC và các khối liệu do giảng viên xây dựng để biến khái niệm lí thuyết thành dữ liệu quan sát được. Mindt (2000), Kirk (2002), Zahra (2018) và Chen (2022) cho thấy khối liệu đặc biệt hiệu quả trong dạy ngữ pháp, từ vựng, ngữ dụng và diễn ngôn.

Thứ sáu, mô hình kể chuyện số/đa phương thức Multimodal/Digital Storytelling mở rộng khả năng “tái tạo kiến thức” qua hình ảnh, âm thanh và dự án số (video, podcast, e-book). Các công trình như Ridwan (2022) chứng minh nhiệm vụ đa phương thức giúp sinh viên phát triển tư duy phân tích và khả năng giải thích hiện tượng ngôn ngữ trong nhiều kênh tạo nghĩa.

Tổng hợp lại, mô hình CALL và corpus-based pedagogy cung cấp bộ công cụ xử lí; TPACK và flipped learning là cấu trúc sư phạm; còn blended learning và multimodal learning tạo nên môi trường tương tác. Sáu mô hình này tạo nên khung lí thuyết đa tầng, giúp phân tích mức độ sẵn sàng của giảng viên, cách tổ chức học phần, và các hướng đổi mới khả thi cho dạy học lí thuyết tiếng Anh tại Việt Nam trong bối cảnh chuyển đổi số.

3. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng phương pháp phân tích nội dung định tính tổng hợp (qualitative content synthesis) nhằm nhận diện các xu hướng, mô hình sư phạm số và hướng đổi mới trong giảng dạy các môn lí thuyết tiếng Anh. Phương pháp này cho phép tổng hợp có hệ thống các kết quả nghiên cứu hiện có, từ đó hình thành bức tranh khái quát về thực tiễn dạy - học trong bối cảnh chuyển đổi số (Sandelowski & Barroso, 2007; Hoon, 2013).

Nguồn dữ liệu và quy trình lựa chọn

Tập dữ liệu gồm 44 công trình quốc tế liên quan trực tiếp đến giảng dạy các môn lý thuyết tiếng Anh trong bối cảnh số hóa, bao gồm: 36 bài báo khoa học; 03 báo cáo hội thảo; 02 sách chuyên khảo; 2 chương sách; 1 teaching development project.

Quy trình lựa chọn được thực hiện theo ba bước dựa trên PRISMA và các hướng dẫn metasyntesis của Sandelowski & Barroso (2007) và Hoon (2013):

- *Tìm kiếm (Search)*: Tài liệu được truy tìm trong các cơ sở dữ liệu uy tín như Scopus, Web of Science, ERIC, Google Scholar, SpringerLink, Elsevier, Taylor & Francis Online, cùng một số nguồn mở về ELT và Applied Linguistics. Từ khóa sử dụng bao gồm các cụm liên quan tới CALL, corpus-based pedagogy, flipped classroom, blended learning, digital/multimodal learning, và digital linguistics.

- *Sàng lọc (Screening)*: Từ hơn 200 kết quả ban đầu, các tài liệu bị loại trong các trường hợp: không tập trung vào các học phần lý thuyết tiếng Anh (phonetics–phonology, syntax, semantics, pragmatics, discourse...); thiếu yếu tố công nghệ hoặc chuyển đổi số; trùng lặp, quá cũ, hoặc chỉ mô tả chương trình mà không liên quan đến đổi mới sư phạm.

- *Chọn mẫu cuối cùng (Selection)*: 44 công trình còn lại (giai đoạn 2000-2025) được lựa chọn vì phản ánh rõ nhất các hướng tiếp cận nổi bật và có giá trị đại diện cho xu thế đổi mới trong giảng dạy lý thuyết tiếng Anh ở bậc đại học.

3. Kết quả và thảo luận

3.1. Kết quả

Phân tích 44 công trình quốc tế giai đoạn 2000-2025 cho thấy bức tranh toàn diện về đổi mới giảng dạy các môn lý thuyết tiếng Anh trong bối cảnh chuyển đổi số. Dữ liệu được tổng hợp theo ba chiều cạnh chính: (1) chủ đề nghiên cứu, (2) giai đoạn công bố, và (3) loại hình tài liệu. Kết quả cho thấy sự đa dạng đáng kể về mô hình sư phạm số, đồng thời phản ánh quá trình chuyển dịch mạnh mẽ từ cách dạy truyền thống sang tiếp cận dựa trên dữ liệu, công nghệ và đa phương thức.

Xu hướng nổi bật nhất tập trung ở flipped/blended learning, corpus-based pedagogy và CALL cho ngữ âm-âm vị học, thể hiện sự hội tụ giữa công nghệ, dữ liệu và sư phạm. Các phân tích tiếp theo trình bày chi tiết từng nhóm xu hướng, sự biến đổi theo thời gian và đặc điểm của các loại hình công bố.

Thứ nhất, Phân loại theo chủ đề nghiên cứu

Bảng 2. Phân loại 44 nghiên cứu theo chủ đề chính

Chủ đề	Số lượng	Nghiên cứu tiêu biểu
Flipped/Blended cho môn lý thuyết tiếng	12	Yang (2016), Mompean (2022)
CALL trong ngữ âm – âm vị học & phát âm	9	Wang & Young (2015), Bakla (2018)
Corpus-based grammar & discourse	10	Chen (2022), Mindt (2000)
Digital Linguistics (lý thuyết tiếng với công nghệ)	8	Gregory et al. (2021)
Digital storytelling & multimodal	4	Ridwan (2022)
ELT đại học trong thời đại số	6	Liu & Chen (2023)

Phân tích 44 công trình cho thấy hai hướng nổi bật nhất trong giảng dạy lý thuyết tiếng Anh thời đại số là flipped/blended learning và corpus-based pedagogy. Nhóm Flipped/Blended (12 nghiên cứu), tiêu biểu Yang (2016), Mompean (2022) tập trung chuyển tải phần lý thuyết sang học liệu số để dành thời gian trên lớp cho phân tích và giải quyết vấn đề. Nhóm CALL trong ngữ âm - âm vị học (9 nghiên cứu; Wang & Young, 2015; Bakla, 2018) cho thấy hiệu quả của ASR và phần mềm âm học trong hỗ trợ phản hồi phát âm tức thời. Nhóm Corpus-based Grammar & Discourse (10 nghiên cứu; Chen, 2022; Mindt, 2000) khẳng định vai trò của khối liệu thật trong việc nhận diện quy luật ngữ pháp và cấu trúc diễn ngôn, đặc biệt khi các kho COCA, BNC ngày càng phổ biến.

Bốn nghiên cứu về digital storytelling và tám nghiên cứu thuộc nhóm digital linguistics phản ánh xu hướng số hóa quá trình học tập qua video, học liệu số và seminar trực tuyến. Sáu nghiên cứu còn lại về ELT trong thời đại số (Liu & Chen, 2023) cho thấy bối cảnh giáo dục đại học đang dịch chuyển toàn diện sang LMS và blended learning. Tổng thể, hai xu hướng mạnh nhất vẫn là flipped/blended learning và corpus-based pedagogy, thể hiện sự hội tụ giữa công nghệ, dữ liệu và sư phạm, qua đó tái cấu trúc cách dạy - học các học phần lý thuyết tiếng Anh giai đoạn 2020-2025.

Thứ hai, Phân loại theo giai đoạn công bố

Bảng 3. Phân loại nghiên cứu theo giai đoạn

Giai đoạn	Số lượng	Xu hướng nổi bật
2000-2010	2	Khởi đầu corpus-based trong ELT
2011-2015	4	CALL phát triển mạnh (ASR, corpora)
2016-2020	12	Flipped/blended bùng nổ
2021-2022	10	Digital linguistics & multimodal
2023-2025	16	Số hóa toàn diện sau COVID

Kết quả phân loại theo thời gian cho thấy giảng dạy lý thuyết tiếng Anh trong thời đại số phát triển tăng dần, đặc biệt mạnh sau 2016. Giai đoạn 2000-2010 chỉ có 2 công trình, chủ yếu thử nghiệm ngôn ngữ học khối liệu corpus linguistics trong giảng dạy ngữ pháp và diễn ngôn. Từ 2011-2015, số nghiên cứu tăng lên 4, đánh dấu sự mở rộng của CALL, đặc biệt là nhận dạng giọng nói ASR (Automatic speech recognition) và phần mềm phân tích âm thanh cho luyện phát âm.

Bước ngoặt diễn ra giai đoạn 2016-2020 với 12 công trình khi flipped và blended learning bùng nổ nhờ LMS và video-based learning, được áp dụng cho các môn Phonetics-Phonology, Grammar và Discourse.

Giai đoạn 2021-2022 có 10 nghiên cứu tập trung vào digital linguistics và multimodal/digital storytelling trong bối cảnh dạy trực tuyến thời COVID-19. Tăng mạnh nhất là 2023-2025 với 16 công trình, thể hiện sự chuyển từ “số hóa tạm thời” sang “số hóa toàn diện”, với trọng tâm corpus-based, LMS/e-learning và hoạt động đa phương thức, đồng thời xuất hiện các nghiên cứu ở bối cảnh khu vực như Việt Nam và Trung Quốc. Tổng thể, số lượng nghiên cứu sau 2016 tăng gần gấp đôi, cho thấy các môn lý thuyết tiếng Anh- từng được coi là khó đổi mới, nay trở thành một trong những lĩnh vực chuyển đổi số năng động nhất của lĩnh vực giảng dạy tiếng Anh ở bậc đại học.

Thứ ba, Phân loại theo loại tài liệu

Bảng 4. Phân loại công bố theo loại tài liệu

Loại tài liệu	Số lượng	Ví dụ
Journal articles	36	CALL, flipped, corpus, blended
Proceedings	3	EDUNOVATIC, IATED
Books	2	Chapelle (2003), Gregory et al. (2021)
Book chapters	2	corpus pragmatics
Teaching projects	1	CUHK flipped ENGE2510

Kết quả phân loại theo loại hình công bố cho thấy bài báo khoa học chiếm ưu thế tuyệt đối với 36/44 công trình. Điều này phản ánh mức độ quan tâm lớn của cộng đồng học thuật đối với đổi mới giảng dạy lý thuyết tiếng Anh trong bối cảnh số hóa. Các bài báo chủ yếu thuộc các hướng CALL, flipped classroom, blended learning và corpus-based pedagogy, những dòng nghiên cứu đang dẫn dắt chuyển đổi sư phạm trong các môn lý thuyết tiếng.

Ngoài ra, 03 báo cáo hội thảo (EDUNOVATIC, IATED) cung cấp minh chứng cho các mô hình đang thử nghiệm, đặc biệt trong dạy trực tuyến và flipped phonetics/phonology. Các công trình này có tính ứng dụng cao và thường phản ánh các triển khai mới nhất tại cơ sở đào tạo.

Bộ dữ liệu còn bao gồm 2 sách chuyên khảo (Chapelle, 2003; Gregory et al., 2021), giữ vai trò nền tảng lí luận cho CALL và digital linguistics, cùng 2 chương sách về ngôn ngữ học khối liệu và ngữ dụng học khối liệu, bổ sung góc nhìn chuyên sâu vào giảng dạy ngữ pháp, ngữ dụng và discourse dựa trên dữ liệu thực.

Cuối cùng, 01 dự án phát triển giảng dạy từ Đại học trung văn Hongkong CUHK (flipped ENGE2510) minh họa cách các trường đại học tái thiết kế học phần English Phonetics and Phonology theo mô hình flipped dựa trên phân tích nhu cầu và dữ liệu người học.

Tổng thể, bộ dữ liệu thể hiện sự kết hợp giữa công trình nghiên cứu có thẩm định (journal articles), sáng kiến đang thử nghiệm (proceedings, projects) và tài liệu nền tảng (books, book chapters), tạo ra cái nhìn toàn diện về đổi mới giảng dạy lí thuyết tiếng Anh trong thời đại số.

3.2. Thảo luận

Kết quả nghiên cứu cho thấy các xu hướng đổi mới trong giảng dạy lí thuyết tiếng Anh chịu ảnh hưởng sâu sắc từ bối cảnh công nghệ, tương tự như nhận định của Takeuchi (2003) về tác động của bối cảnh văn hóa - xã hội đối với chiến lược học ngoại ngữ. Những mô hình số hiện nay không chỉ đóng vai trò hỗ trợ mà đang “tái định hình” cách thức giảng dạy các môn ngôn ngữ học. Các tiếp cận như lớp học đảo ngược (flipped classroom), sự phạm dựa trên khối liệu (corpus-based pedagogy) hay các dự án đa phương thức (multimodal projects) biến giờ học từ mô hình “truyền đạt kiến thức” sang mô hình “khám phá hiện tượng”, trong khi học ngôn ngữ với sự hỗ trợ của máy tính (CALL) và ngôn ngữ học khối liệu giúp kết nối khái niệm lí thuyết với khối liệu thực một cách trực tiếp hơn.

Sự phát triển mạnh mẽ của nền tảng số LMS, công nghệ video và kho khối liệu mở sau năm 2016 tạo ra một bước ngoặt tương đương với “bước chuyển” trong sự thay đổi chiến lược học ngoại ngữ. Điều này góp phần lí giải vì sao số lượng công trình về giảng dạy lí thuyết tiếng Anh bằng công nghệ tăng đột biến trong giai đoạn 2016-2025.

Tuy nhiên, so với bối cảnh quốc tế, Việt Nam vẫn còn thiếu vắng các nghiên cứu hệ thống về dạy ngữ âm và âm vị học, từ vựng học, cú pháp, ngữ dụng học hay diễn ngôn bằng các mô hình số. Phần lớn công trình trong nước vẫn tập trung vào bốn kĩ năng hoặc phương pháp giao tiếp hơn là các phân môn lí thuyết tiếng. Đây là một khoảng trống lớn, đồng thời cũng là cơ hội để phát triển các hướng nghiên cứu mới phù hợp với bối cảnh chuyển đổi số hiện nay.

4. Kết luận

Việc khảo sát 44 công trình quốc tế cho thấy quá trình chuyển đổi số giảng dạy các môn lí thuyết tiếng Anh không chỉ khả thi mà còn mang lại giá trị sự phạm rõ rệt. Các mô hình công nghệ - từ flipped, blended, CALL, ASR đến corpus-based pedagogy - đã chứng minh khả năng giảm tải phần lí thuyết thuần túy trên lớp, tăng cường hoạt động phân tích - thực hành, mở rộng không gian học tập, đồng thời thúc đẩy sự phát triển năng lực phân tích ngôn ngữ bậc cao của sinh viên. Những kết quả này phù hợp với xu hướng quốc tế trong giai đoạn 2016-2025, nơi chuyển đổi số đã trở thành động lực chính cho các đổi mới trong giảng dạy ngoại ngữ và ngôn ngữ học.

Đề xuất sự phạm: Từ tổng hợp này, bài báo đề xuất một số hướng thực hành có tính khả thi cho bối cảnh Việt Nam:

- (1) Tăng cường tích hợp corpus vào dạy Ngữ pháp, Ngữ nghĩa học và Ngữ dụng học;
- (2) Ứng dụng ASR và phần mềm phân tích âm học như Praat trong mảng Ngữ âm - Âm vị;
- (3) Triển khai mô hình flipped cho các học phần lí thuyết có tải lượng lớn;
- (4) Thiết kế nhiệm vụ digital storytelling và multimodal projects cho mảng Phân tích diễn ngôn và Ngữ dụng học;
- (5) Bồi dưỡng năng lực TPACK cho giảng viên để đảm bảo việc tích hợp công nghệ có hiệu quả sự phạm thực chất.

Tổng thể, nghiên cứu cho thấy dạy các môn lí thuyết tiếng Anh (như ngôn ngữ học, ngữ âm và âm vị học, cú pháp học, ngữ nghĩa học, ngữ dụng học, diễn ngôn, v.v.) tại Việt Nam hiện vẫn chưa phổ biến rộng. Mới chỉ một số giảng viên và cơ sở đào tạo tiên phong thử nghiệm các mô hình số; tuy

nhien, các tín hiệu tích cực đã xuất hiện từ hội thảo quốc gia, các đề tài nghiên cứu, và xu hướng EMI - quốc tế hóa trong giáo dục đại học.

Để phát triển theo hướng bền vững, Việt Nam cần một chuỗi nỗ lực mang tính hệ thống: nghiên cứu thực trạng giảng dạy các môn lý thuyết tiếng, tăng cường bồi dưỡng năng lực giảng viên, phát triển chương trình, giáo trình phù hợp với môi trường số, và triển khai thực nghiệm sư phạm nhằm đánh giá hiệu quả. Những bước đi này sẽ giúp thu hẹp khoảng cách giữa Việt Nam và xu hướng quốc tế, đồng thời tạo nền tảng để giảng dạy lý thuyết tiếng trở thành một trụ cột quan trọng trong đào tạo sinh viên chuyên ngữ.

Nếu các nhà nghiên cứu và giảng viên tiếp tục theo đuổi hướng này, họ hoàn toàn có thể đóng góp đáng kể cho đổi mới sư phạm tiếng Anh tại Việt Nam, đặc biệt trong bối cảnh chuyển đổi số và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Akçayır, G., & Akçayır, M. (2018), The flipped classroom: A review of its advantages and challenges. *Computers & Education*, 126, 334–345. <https://doi.org/10.1016/j.compedu.2018.07.021>.
2. Bakla, A. (2019), Learners' perceptions and experiences of digital multimodal composing in the EFL writing classroom. *System*, 82, 39–54. <https://doi.org/10.1016/j.system.2019.03.006>
3. Biber, D., Conrad, S., Reppen, R., Byrd, P., & Helt, M. (2002), Speaking and writing in the university: A multi-dimensional comparison. *TESOL Quarterly*, 36(1), 9–48. <https://doi.org/10.2307/3588359>.
(Bài này nằm trong corpus-based linguistics ứng dụng)
4. Chappelle, C. A. (2003), *English language learning and technology: Lectures on applied linguistics in the age of information and communication technology*. John Benjamins. <https://doi.org/10.1075/llt.7>.
5. Chen, H. J. H. (2022), Using corpora to teach grammar and vocabulary in EFL contexts: A meta-synthesis. *System*, 109, 102861. <https://doi.org/10.1016/j.system.2022.102861>.
6. Gregory, M. S.-J., Thornell, B., & Downes, L. (2021), Teaching linguistics in the digital age: Reimagining approaches to content and pedagogy. *Computer Assisted Language Learning*, 34(7), 912–934. <https://doi.org/10.1080/09588221.2019.1704782>.
7. Hafner, C. A. (2014), Embedding digital literacies in English language teaching: Students' digital video projects. *TESOL Quarterly*, 48(4), 655–685. <https://doi.org/10.1002/tesq.138>.
8. Kirk, J. M. (2002), The uses of corpora in teaching English: A case study of concordancing. *Literary and Linguistic Computing*, 17(3), 267–294. <https://doi.org/10.1093/lc/17.3.267>.
9. Liakin, D., Cardoso, W., & Liakina, N. (2017), The pedagogical use of speech technologies for second language pronunciation training. *Journal of Second Language Pronunciation*, 3(1), 96–118. <https://doi.org/10.1075/jslp.3.1.05lia>.
10. Liu, Y., & Chen, H. J. H. (2023), Examining blended learning in higher education: Students' engagement and perceptions. *The Internet and Higher Education*, 57, 100864. <https://doi.org/10.1016/j.iheduc.2022.100864>.
11. Margaryan, A. (2020), Teachers' digital competence: A systematic review of conceptualisations. *Computers & Education*, 150, 103857. <https://doi.org/10.1016/j.compedu.2020.103857>
12. Mindt, D. (2000), *An empirical grammar of the English verb system*. Cornelsen.
13. Robin, B. (2016), The power of digital storytelling to support teaching and learning. *Digital Education Review*, 30, 17–29. <https://doi.org/10.1344/der.2016.30.17-29>.

14. Sun, Z., Xie, K., & Anderman, E. M. (2018). The role of self-regulated learning in students' success in flipped EFL classrooms. *Language Learning & Technology*, 22(2), 24–43. <https://doi.org/10.125/44667>.
15. Wang, Y., & Young, S. S.-C. (2014). A study of flipped classrooms integrating IoT, mobile learning and cloud systems. *Interactive Learning Environments*, 22(6), 804–821. <https://doi.org/10.1080/10494820.2012.745426>.

**Teaching English linguistics in the digital transformation era:
trends and pedagogical implications**

Abstract: The rapid development of educational technologies has created new opportunities for innovating the teaching of theoretical English linguistics courses at the tertiary level, traditionally abstract subjects such as Phonetics–Phonology, Lexicology, Syntax, Semantics, and Pragmatics. This article synthesises 44 international studies published between 2000 and 2025 to identify digital pedagogical models used in teaching theoretical linguistics and to draw implications for the Vietnamese context. Using a qualitative content synthesis approach, the studies were categorised by theme, period, and publication type. Six major trends emerged: flipped/blended learning (12 studies), CALL/ASR for phonetics–phonology (9), corpus-based pedagogy (10), digital linguistics (8), digital and multimodal storytelling (4), and higher education ELT in the digital era (6). Research output increased significantly after 2016, with 16 publications between 2023 and 2025; journal articles accounted for the majority (36/44). Findings indicate that digital models not only support but also re-structure the teaching of theoretical English linguistics, shifting the focus from transmission to data-driven analysis and multimodal exploration. The study proposes several directions for Vietnam, including corpus integration, ASR/Praat use, flipped learning implementation, and strengthening teachers' TPACK competence.

Key words: Teaching theoretical English linguistics; Digital transformation; Flipped/Blended learning; Corpus-based pedagogy; CALL and ASR.